

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

Số 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-41
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-41

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

Số 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung được thành lập từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Kim khí Miền Trung) theo Quyết định số 3088/QĐ-BCN ngày 30/09/2005 và Quyết định số 4150/QĐ-BCN ngày 20/12/2005 sửa đổi bổ sung Quyết định số 3088/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0400101605 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 14 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Số 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Thân Thanh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/01/2015
Ông Võ Văn Cả	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/01/2015
Ông Nguyễn Anh Hoàng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01/01/2015
Ông Nguyễn Văn Cảnh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14/04/2015
Ông Ngô Văn Phong	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14/04/2015
Ông Võ Hựu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14/04/2015

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Hoàng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2015
Ông Thân Thanh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2015
Ông Ngô Văn Phong	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Võ Hựu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Minh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/02/2015

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Mãi	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 14/04/2015
Ông Lưu Thương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/04/2015
Ông Nguyễn Đình Chinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/04/2015

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

Số 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Hoàng
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 01 năm 2016

Số: 247/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung được lập ngày 31 tháng 01 năm 2016, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Quốc Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0285-2013-002-1

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2016

Bùi Thanh Cương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2066-2013-002-1



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

Số 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		436.623.028.715	264.773.960.134
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	22.501.711.264	15.384.210.751
111	1. Tiền		14.151.711.264	15.384.210.751
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.350.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	1.350.999.900	1.814.200.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		2.323.676.045	2.323.676.045
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(972.676.145)	(509.476.045)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		383.358.538.812	143.796.793.410
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	369.943.364.160	143.285.169.935
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		18.205.129.412	5.792.316.802
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.630.634.579	2.022.369.785
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(7.420.589.339)	(7.303.063.112)
140	IV. Hàng tồn kho	8	27.448.448.373	93.539.817.573
141	1. Hàng tồn kho		29.552.160.408	93.806.684.336
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(2.103.712.035)	(266.866.763)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.963.330.366	10.238.938.400
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	64.372.239	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		287.187.485	10.198.322.669
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	1.611.770.642	40.615.731
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		88.635.119.604	70.084.008.539
220	II. Tài sản cố định		67.495.629.184	46.462.878.780
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	29.871.312.347	7.418.845.943
222	- Nguyên giá		38.378.211.671	15.013.628.187
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.506.899.324)	(7.594.782.244)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	37.624.316.837	39.044.032.837
228	- Nguyên giá		37.624.316.837	39.044.032.837
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	204.472.262	3.105.716.203
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		204.472.262	3.105.716.203
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	20.786.346.945	20.187.197.666
251	1. Đầu tư vào công ty con		24.000.000.000	24.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.030.000.000	3.030.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(6.243.653.055)	(6.842.802.334)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		148.671.213	328.215.890
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	148.671.213	328.215.890
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		525.258.148.319	334.857.968.673

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNGSố 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		407.903.555.598	218.595.372.487
310	I. Nợ ngắn hạn		407.903.555.598	218.595.372.487
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	157.175.014.405	97.796.265.100
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.722.078.717	630.590.294
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	415.179.892	203.057.118
314	4. Phải trả người lao động		2.199.289.510	1.957.036.723
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	12.219.901.721	1.334.353.242
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		61.911.504	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	2.063.335.218	5.282.798.513
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	232.046.844.631	110.953.002.391
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		-	438.269.106
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		117.354.592.721	116.262.596.186
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	117.354.592.721	116.262.596.186
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		98.465.620.000	98.465.620.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>98.465.620.000</i>	<i>98.465.620.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		300.347.000	300.347.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		13.863.385.286	13.863.385.286
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.491.018.689	1.491.018.689
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.234.221.746	2.142.225.211
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		<i>3.234.221.746</i>	<i>2.142.225.211</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		525.258.148.319	334.857.968.673

Bùi Minh Nam

Người lập

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 01 năm 2016

Trần Nguyễn Hoàng Nam
Thành Tuấn

Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Hoàng

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.902.946.370.177	1.283.804.046.872
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	264.442.600	637.105.115
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.902.681.927.577	1.283.166.941.757
11	4. Giá vốn hàng bán	22	1.810.115.729.805	1.228.745.087.295
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		92.566.197.772	54.421.854.462
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	4.422.682.084	4.833.015.076
22	7. Chi phí tài chính	24	14.235.027.954	10.116.931.709
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		9.368.307.392	4.730.440.443
25	8. Chi phí bán hàng		77.709.303.308	44.380.801.272
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		3.982.242.354	4.433.121.737
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.062.306.240	324.014.820
31	11. Thu nhập khác	25	3.073.511.833	3.677.997.821
32	12. Chi phí khác	26	23.957.238	1.289.487.679
40	13. Lợi nhuận khác		3.049.554.595	2.388.510.142
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.111.860.835	2.712.524.962
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	852.253.119	570.299.751
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>3.259.607.716</u>	<u>2.142.225.211</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	331	218

Bùi Minh Nam

Người lập

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 01 năm 2016

Trần Nguyễn Hoàng Nam
Thành Tuấn

Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Hoàng

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.111.860.835	2.712.524.962
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.040.043.648	1.006.250.925
03	- Các khoản dự phòng		1.818.422.320	4.326.216.024
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(49.983.022)	(4.365.029)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.188.475.288)	(1.287.248.844)
06	- Chi phí lãi vay		9.368.307.392	4.730.440.443
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		13.100.175.885	11.483.818.481
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(227.849.952.689)	(10.809.740.877)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		64.254.523.928	(82.872.353.270)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		62.603.982.602	55.035.356.590
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		115.172.438	405.943.154
14	- Tiền lãi vay đã trả		(9.358.448.403)	(4.552.630.182)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.362.695.619)	(233.490.916)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	273.426.866
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(676.992.400)	(228.126.866)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(99.174.234.258)	(31.497.797.020)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(13.379.433.700)	(8.387.287.862)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		16.000.000	2.238.872.728
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	316.072.886
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		283.724.369	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(13.079.709.331)	(5.832.342.248)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNGSố 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.335.106.838.838	881.849.640.726
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.214.012.996.598)	(836.575.730.350)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.772.381.160)	(1.575.449.920)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>119.321.461.080</i>	<i>43.698.460.456</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		7.067.517.491	6.368.321.188
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		15.384.210.751	9.011.524.534
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		49.983.022	4.365.029
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>22.501.711.264</u>	<u>15.384.210.751</u>

Bùi Minh Nam

Trần Nguyễn Hoàng Nam
Thành Tuấn

Nguyễn Anh Hoàng

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 01 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung được thành lập từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Kim khí Miền Trung) theo Quyết định số 3088/QĐ-BCN ngày 30/09/2005 và Quyết định số 4150/QĐ-BCN ngày 20/12/2005 sửa đổi bổ sung Quyết định số 3088/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0400101605 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 14 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Số 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 98.465.620.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 98.465.620.000 đồng; tương đương 9.846.562 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu kim khí, vật tư thứ liệu, phế liệu kim loại, vật tư tổng hợp, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất thép xây dựng các loại;
- Gia công, sản xuất các sản phẩm kim loại và phế liệu kim loại;
- Đầu tư kinh doanh khách sạn, văn phòng cho thuê và chung cư cao tầng;
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi;
- Đại lý tiêu thụ sản phẩm cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Trong năm 2015, Công ty ký được các hợp đồng cung cấp phế liệu cho các nhà máy sản xuất thép là Cty CP Thép Dana – Ý, Việt Pháp với giá trị lớn, hợp đồng cung cấp than cốc cho Công ty Khoáng sản Luyện Kim Việt Trung với tổng giá trị khoảng 485 tỷ đồng. Đây là các hợp đồng trả chậm dẫn đến doanh thu và các khoản phải thu tăng mạnh so với năm trước.

- Hoạt động bán hàng tăng mạnh và chưa thu được tiền ngay, kéo theo hoạt động mua hàng cũng tăng trưởng, khiến cho các khoản phải trả nhà cung cấp tăng 1,6 lần và số dư khoản vay cũng tăng gấp đôi so với số dư đầu năm.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Quảng Ngãi	195 Lê Lợi, phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép
Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	Số 4/5 Út Tịch, P4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNGSố 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chi nhánh Đắk Lắk	Số 97C, Nguyễn Văn Linh, Tp. Buôn Ma Thuột	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép
Chi nhánh Miền Trung	303 Lê Hồng Phong, Phường Phước Hải, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép
Chi nhánh Gia Lai	Tổ 3, phường Thống Nhất, Tp.Pleiku, Gia Lai	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 01	Lô A3-7 KDC Đô thị mới Nam cầu Cẩm Lệ, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, Đà Nẵng	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 02	Số 410 đường 2/9, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Đà Nẵng	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 03	712 đường Ngô Quyền, Q. Sơn Trà, Đà Nẵng	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 05	Số 330 Nguyễn Hữu Thọ, Q. Cẩm Lệ, Đà Nẵng	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 06	Số 410 đường 2/9, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Đà Nẵng	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 07	Lô 04-05-B27, Đường Kinh Dương Vương, Hoà Minh, Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 09	Số 404 Lê Văn Hiến, Q. Ngũ Hành Sơn, TP.Đà Nẵng	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 10	904 đường Ngô Quyền, Q. Sơn Trà, Đà Nẵng	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép
Xí nghiệp Kinh doanh vật tư.	Lô A3-7 KDC Đô thị mới Nam cầu Cẩm Lệ, H. Hòa Vang, Đà Nẵng	Kinh doanh thương mại các sản phẩm về thép

Trong năm tài chính các xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 03, 06, 09 đã có quyết định giải thể ngừng hoạt động.

Thông tin về các công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 34.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.



Việc trích trước chi phí phải trả đối với công trình xây dựng tòa nhà 6 Quang Trung được thực hiện căn cứ theo giá trị tổng dự toán của toàn bộ công trình. Trong đó khối lượng trích trước là giá trị của gói thầu chi phí xây dựng bao gồm gói thầu số 2 - Xây lắp phần thô và hoàn thiện; gói thầu 3 - Khung vách kính, cửa nhôm; gói thầu 4 - Cung cấp và lắp đặt điện nước; gói thầu 5 - hệ thống điều hòa; gói thầu 6 - hệ thống internet camera và gói thầu 7 - hệ thống phòng chữa cháy...Tất cả các gói thầu này đều đã có nghiệm thu khối lượng và đang chờ quyết toán hoàn thành.

2.14 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng, bao gồm cả các trường hợp trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	300.172.962	219.938.809
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.851.538.302	15.164.271.942
Các khoản tương đương tiền	8.350.000.000	-
	<u>22.501.711.264</u>	<u>15.384.210.751</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

Số 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	2.323.676.045	1.350.999.900	(972.676.145)	1.814.200.000
<i>Cổ phiếu HMC</i>	2.323.676.045	1.350.999.900	(972.676.145)	1.814.200.000
	2.323.676.045	1.350.999.900	(972.676.145)	1.814.200.000

Số lượng cổ phiếu HMC - Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh là 193.000 cổ phiếu.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	24.000.000.000	18.956.346.945	(5.043.653.055)	19.257.197.666
- Công ty CP Thép Việt Mỹ	24.000.000.000	18.956.346.945	(5.043.653.055)	19.257.197.666
Đầu tư vào đơn vị khác	3.030.000.000	1.830.000.000	(1.200.000.000)	930.000.000
- Công ty CP Gang thép Thái Nguyên	3.030.000.000	1.830.000.000	(1.200.000.000)	930.000.000
	27.030.000.000	20.786.346.945	(6.243.653.055)	20.187.197.666

Đầu tư vào Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Thép Việt Mỹ	Hòa Khánh, Liên Chiểu, Đà Nẵng	20,36%	20,36%	Sản xuất, kinh doanh thép
Đầu tư vào đơn vị khác				
Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Số cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Gang thép Thái Nguyên	Phường Cam Giá, TP. Thái Nguyên	300.000	<10%	Sản xuất, kinh doanh thép

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNGSố 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ Phần Thép Miền Bắc	-	34.209.385.807
- Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý	74.447.342.985	-
- Công ty TNHH Thép Việt Pháp	28.176.124.308	-
- Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung	119.566.917.885	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	147.752.978.982	109.075.784.128
	<u><u>369.943.364.160</u></u>	<u><u>143.285.169.935</u></u>
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	369.943.364.160	143.285.169.935
	<u><u>369.943.364.160</u></u>	<u><u>143.285.169.935</u></u>
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.	<u><u>143.144.584.375</u></u>	<u><u>1.367.263.740</u></u>

M.S.D.N - 01

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

Số 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
- Phải thu về kinh phí công đoàn	-	-	8.230.131	-
- Tạm ứng	354.873.348	-	293.024.482	-
- Ký cược, ký quỹ	3.133.449	-	-	-
- Đền bù giải phóng mặt bằng dự án kho Hoà Phước (1)	942.297.300	-	942.297.300	-
- Chiết khấu mua hàng của TCT Thép Việt Nam và các đơn vị thành viên	1.057.814.350	-	610.093.950	-
- Chi vượt quỹ khen thưởng phúc lợi	23.359.600	-	-	-
- Phải thu khác	249.156.532	-	168.723.922	-
	2.630.634.579	-	2.022.369.785	-

(1) Tiền tạm ứng cho Ban giải tỏa đền bù các Dự án Đầu tư và Xây dựng số 2 Đà Nẵng để thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng và triển khai Dự án Kho Hoà Phước, khoản tiền này sẽ được bù trừ vào tiền thuế đất hàng năm của Công ty khi mặt bằng được bàn giao cho Công ty sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

Số 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

7 . NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	9.140.934.733	1.720.345.394	14.509.069.297	7.206.006.185
- Công ty CP Thương mại Kim Khí Thành Hiếu	2.947.146.175	-	2.947.146.175	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Công Trình 134	683.889.041	341.944.520	1.690.788.421	1.183.551.895
- Công ty CP ĐT & XDGT Phương Thành	1.163.981.060	581.990.530	-	-
- Các khoản khác	4.345.918.457	796.410.344	9.871.134.701	6.022.454.290
	<u>9.140.934.733</u>	<u>1.720.345.394</u>	<u>14.509.069.297</u>	<u>7.206.006.185</u>

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị trích lập dự phòng

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	41.398.549.280	-
Hàng hoá	29.552.160.408	(2.103.712.035)	52.408.135.056	(266.866.763)
	<u>29.552.160.408</u>	<u>(2.103.712.035)</u>	<u>93.806.684.336</u>	<u>(266.866.763)</u>

9 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	204.472.262	3.105.716.203
- Dự án xây dựng kho Hòa Phước (1)	110.743.375	110.743.375
- Dự án xây dựng văn phòng 69A - Quang Trung (2)	-	2.994.972.828
- Dự án xây dựng kho Miếu Bông	93.728.887	-
	<u>204.472.262</u>	<u>3.105.716.203</u>

(1) Dự án xây dựng kho Hòa Phước chưa được bàn giao mặt bằng nên trong năm 2015, Công ty không có phát sinh các khoản chi phí đầu tư liên quan đến dự án xây dựng kho Hoà Phước.

(2) Dự án tòa nhà văn phòng số 69A - Quang Trung đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ tháng 12/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

Số 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	10.209.659.933	4.283.558.713	520.409.541	15.013.628.187
- Mua trong năm	-	274.053.926	88.365.229	362.419.155
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	23.140.143.615	-	-	23.140.143.615
- Thanh lý, nhượng bán	(95.805.000)	-	(42.174.286)	(137.979.286)
Số dư cuối năm	33.253.998.548	4.557.612.639	566.600.484	38.378.211.671
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	4.204.326.387	2.880.019.072	510.436.785	7.594.782.244
- Khấu hao trong năm	670.609.338	337.935.924	31.498.386	1.040.043.648
- Thanh lý, nhượng bán	(85.752.282)	-	(42.174.286)	(127.926.568)
Số dư cuối năm	4.789.183.443	3.217.954.996	499.760.885	8.506.899.324
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	6.005.333.546	1.403.539.641	9.972.756	7.418.845.943
Tại ngày cuối năm	28.464.815.105	1.339.657.643	66.839.599	29.871.312.347

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.647.197.979 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.672.798.400 đồng

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao		
- Nhà kho Hòa Phước, Đà Nẵng - Kho Công ty	6.096.262.057	6.096.262.057
- Nguyễn Văn Luông, TP. HCM - Kho Công ty	-	1.419.716.000
- Số 4/5 Út Tịch, TP. HCM - Trụ sở Chi nhánh HCM	424.550.000	424.550.000
- 16 Thái Phiên, TP Đà Nẵng - Văn phòng Công ty	10.331.592.180	10.331.592.180
- Lô A64,A65 Hùng Vương, Tam Kỳ, QN - Kho Công ty	1.149.520.000	1.149.520.000
- Lô A3-7 KDC nam cầu Cẩm Lệ, Đà Nẵng - Trụ sở Xí nghiệp 01 và Xí nghiệp Kinh doanh Vật tư	10.099.555.000	10.099.555.000
- Lô 1001 Lê Văn Hiến, Đà Nẵng - Trụ sở Xí nghiệp 09	4.141.404.000	4.141.404.000
- Thửa 125, Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk - Chi nhánh Đắk Lắk	420.000.000	420.000.000
- Số 69 Quang Trung, Đà Nẵng - Văn phòng Công ty	4.961.433.600	4.961.433.600
	37.624.316.837	39.044.032.837

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	47.730.771	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	16.641.468	-
	64.372.239	-
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	105.551.911	313.997.218
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	30.734.050	14.218.672
Chi phí trả trước dài hạn khác	12.385.252	-
	148.671.213	328.215.890

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Tổng Công ty Thép Việt Nam	-	-	81.503.251.156	81.503.251.156
- JFE SHOJI TRADE CORP	34.563.942.000	34.563.942.000	-	-
- TOYOTSU MATERIAL INCORPRATED	50.059.684.070	50.059.684.070	-	-
- TREASURE POWER TRANDING LIMITED	38.990.526.962	38.990.526.962	-	-
- Phải trả người bán khác	33.560.861.373	33.560.861.373	16.293.013.944	16.293.013.944
	157.175.014.405	157.175.014.405	97.796.265.100	97.796.265.100
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
- Phải trả người bán ngắn hạn	157.175.014.405	157.175.014.405	97.796.265.100	97.796.265.100
	157.175.014.405	157.175.014.405	97.796.265.100	97.796.265.100
c) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.)				
	2.476.093.484	2.476.093.484	83.630.755.041	83.630.755.041
	2.476.093.484	2.476.093.484	83.630.755.041	83.630.755.041



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNGSố 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố
Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	203.057.118	53.794.619.612	53.582.496.838	-	415.179.892
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	2.257.597.169	3.390.828.107	1.133.230.938	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	40.615.731	-	1.008.759.846	1.362.695.619	394.551.504	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	35.811.653	35.811.653	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	342.976.201	426.964.401	83.988.200	-
Các loại thuế khác	-	-	16.000.000	16.000.000	-	-
	40.615.731	-	57.455.764.481	58.814.796.618	1.611.770.642	415.179.892

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNGSố 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	340.581.151	330.722.162
- Trích trước chi phí xây dựng tòa nhà 69 Quang Trung	10.648.768.386	-
- Chi phí phải trả khác	1.230.552.184	1.003.631.080
	<u>12.219.901.721</u>	<u>1.334.353.242</u>

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	13.784.764	-
- Bảo hiểm xã hội	9.179.794	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	323.948.000	130.000.000
- Lãi phạt chậm trả	1.245.496.313	408.553.773
- Nhận trước tiền nhà của Tô Hán Lên	-	4.610.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	470.926.347	134.244.740
	<u>2.063.335.218</u>	<u>5.282.798.513</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

Số 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính-kết thúc ngày 31/12/2015

17 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Đà Nẵng (1)	37.302.417.905	37.302.417.905	300.219.531.961	281.689.527.061	55.832.422.805	55.832.422.805
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Đà Nẵng (2)	27.758.423.405	27.758.423.405	543.850.142.767	478.051.386.249	93.557.179.923	93.557.179.923
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Đà Nẵng (3)	39.547.039.741	39.547.039.741	393.835.948.013	370.055.998.051	63.326.989.703	63.326.989.703
- Ngân hàng TMCP Quân Đội (4)	6.345.121.340	6.345.121.340	97.201.216.097	84.216.085.237	19.330.252.200	19.330.252.200
	110.953.002.391	110.953.002.391	1.335.106.838.838	1.214.012.996.598	232.046.844.631	232.046.844.631

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015-HĐTDHM/NHCT480-CEVIMETAL ngày 06/04/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 150 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 20/03/2016;
 - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 55.832.422.805 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp tài sản: Hợp đồng số 08082012/HĐTC ngày 20/09/2012; Hợp đồng số 07082012/HĐTC ngày 07/08/2012; Hợp đồng số 48070001/HĐTC ngày 14/12/2013.

- (2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 311/2015/VCB-KHDN ngày 01/10/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 230 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: tối đa 4 tháng kể từ ngày rút vốn;
 - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 93.557.179.923 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp: Hợp đồng số 60/NHNT-ĐN ngày 12/06/2008; Hợp đồng số 63/2010/VCB-ĐN ngày 14/09/2010; Hợp đồng số 132/2013/VCB-ĐN ngày 25/09/2013; Hợp đồng số 169/2013/VCB-ĐN ngày 12/11/2013.

- (3) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/256999/HĐTD ngày 01/07/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 300 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C;
 - + Thời hạn của hợp đồng: từ 01/07/2015 đến hết 30/06/2016;
 - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 63.326.989.703 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp số 01/2008/HĐTC ngày 12/06/2008.

- 4) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 79949.15.3072207406 TD tháng 10/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 50 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 31/10/2016;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 19.330.252.200 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ hàng hóa hình thành từ vốn vay và khoản phải thu từ phương án MB tài trợ, được thế chấp duy nhất tại MB; tỷ lệ nghĩa vụ tài chính/giá trị tài sản đảm bảo là 50%.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

Số 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND					
Số dư đầu năm trước	98.465.620.000	300.347.000	300.347.000	13.863.385.286	1.491.018.689	1.982.171.693	116.102.542.668
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	2.142.225.211	2.142.225.211
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(1.982.171.693)	(1.982.171.693)
Số dư cuối năm trước	98.465.620.000	300.347.000	300.347.000	13.863.385.286	1.491.018.689	2.142.225.211	116.262.596.186
Số dư đầu năm nay	98.465.620.000	300.347.000	300.347.000	13.863.385.286	1.491.018.689	2.142.225.211	116.262.596.186
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	3.259.607.716	3.259.607.716
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(2.011.104.454)	(2.011.104.454)
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	(156.506.727)	(156.506.727)
Số dư cuối năm nay	98.465.620.000	300.347.000	300.347.000	13.863.385.286	1.491.018.689	3.234.221.746	117.354.592.721

(*) Khoản truy thu thuế TNDN 2013 và 2014.

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 315/NQ-DHĐCĐ ngày 14/04/2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	2.142.225.211
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	11,14%	238.723.294
Chi trả cổ tức (bằng 1,8% vốn điều lệ)	82,74%	1.772.381.160
Khoản truy thu thuế TNDN 2013	6,12%	131.120.757



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNGSố 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp Tổng Công ty Thép Việt Nam	82,95%	81.674.240.000	82,95%	81.674.240.000
Vốn góp của các cổ đông khác	17,05%	16.791.380.000	17,05%	16.791.380.000
	100%	98.465.620.000	100%	98.465.620.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	98.465.620.000	98.465.620.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	98.465.620.000	98.465.620.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	98.465.620.000	98.465.620.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.772.381.160	1.575.449.920
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	1.772.381.160	1.575.449.920

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.846.562	9.846.562
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.846.562	9.846.562
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.846.562	9.846.562
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.846.562	9.846.562
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.846.562	9.846.562
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	13.863.385.286	13.863.385.286
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.491.018.689	1.491.018.689
	15.354.403.975	15.354.403.975

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2015	01/01/2015
- Đồng đô la Mỹ (USD)	62.155,79	10.577,06

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
	4.083.499.891	21.853.993.108

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNGSố 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	1.902.946.370.177	1.283.804.046.872
- Văn phòng Công ty và các chi nhánh tại Khu vực Đà Nẵng	1.331.115.577.795	840.067.883.415
- Các chi nhánh tại Khu vực Miền Trung Tây Nguyên	428.777.429.718	395.100.932.395
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	143.053.362.664	48.635.231.062
	1.902.946.370.177	1.283.804.046.872
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.)	376.370.242.903	136.814.455.645

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	131.650.045	637.105.115
Hàng bán bị trả lại	-	-
Giảm giá hàng bán	132.792.555	-
	264.442.600	637.105.115

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.808.278.884.533	1.228.853.098.153
<i>Văn phòng Công ty và các chi nhánh tại Khu vực Đà Nẵng</i>	1.262.657.535.506	806.400.354.430
<i>Các chi nhánh tại Khu vực Miền Trung Tây Nguyên</i>	406.556.349.972	375.432.824.407
<i>Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh</i>	139.064.999.055	47.019.919.316
Hoàn nhập/ trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.836.845.272	(108.010.858)
	1.810.115.729.805	1.228.745.087.295

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	90.724.369	152.022.886
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	4.055.310.909	4.178.859.346
Cổ tức, lợi nhuận được chia	193.000.000	164.050.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	33.663.784	333.717.815
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	49.983.022	4.365.029
	4.422.682.084	4.833.015.076

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

Số 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.368.307.392	4.730.440.443
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	122.614.031
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.002.669.741	574.774.901
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(135.949.179)	4.689.102.334
	14.235.027.954	10.116.931.709

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	2.914.803.637	2.238.872.728
Thu nhập từ tiền bồi thường	143.617.288	-
Hàng thừa ngoài miễn thường	-	894.785.440
Thu nhập khác	15.090.908	544.339.653
	3.073.511.833	3.677.997.821

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	10.052.718	1.267.696.770
Chi phí khác	13.904.520	21.790.909
	23.957.238	1.289.487.679

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.211.602.653	2.712.524.962
Các khoản điều chỉnh tăng	5.000.000	47.000.000
- Chi phí không hợp lệ	5.000.000	47.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(242.983.022)	(167.253.368)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(193.000.000)	(164.050.000)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(49.983.022)	(3.203.368)
Thu nhập tính thuế TNDN	973.619.631	2.592.271.594
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	214.196.319	570.299.751
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước.	156.506.727	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(40.615.731)	(377.424.566)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(724.638.819)	(233.490.916)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính	(394.551.504)	(40.615.731)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNGSố 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	2.900.258.182	-
Thu nhập tính thuế TNDN	2.900.258.182	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	638.056.800	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(638.056.800)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	852.253.119	570.299.751
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	(394.551.504)	(40.615.731)

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	3.259.607.716	2.142.225.211
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.259.607.716	2.142.225.211
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.846.562	9.846.562
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	331	218

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.017.083.093	917.279.346
Chi phí nhân công	14.506.415.234	12.089.102.870
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.040.043.648	1.006.250.925
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.855.885.657	31.450.525.546
Chi phí khác bằng tiền	3.272.118.030	2.944.821.168
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	81.691.545.662	48.407.979.855

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNGSố 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.501.711.264	-	15.384.210.751	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	372.573.998.739	-	145.307.539.720	-
Đầu tư ngắn hạn	2.323.676.045	(972.676.145)	2.323.676.045	(509.476.045)
Đầu tư dài hạn	3.030.000.000	(1.200.000.000)	3.030.000.000	(2.100.000.000)
	400.429.386.048	(2.172.676.145)	166.045.426.516	(2.609.476.045)
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			232.046.844.631	110.953.002.391
Phải trả người bán, phải trả khác			159.238.349.623	103.079.063.613
Chi phí phải trả			12.219.901.721	1.334.353.242
			403.505.095.975	215.366.419.246

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNGSố 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.501.711.264	-	-	22.501.711.264
Phải thu khách hàng, phải thu khác	372.573.998.739	-	-	372.573.998.739
Đầu tư ngắn hạn	1.350.999.900	-	-	1.350.999.900
Đầu tư dài hạn	-	1.830.000.000	-	1.830.000.000
	<u>396.426.709.903</u>	<u>1.830.000.000</u>	<u>-</u>	<u>398.256.709.903</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.384.210.751	-	-	15.384.210.751
Phải thu khách hàng, phải thu khác	145.307.539.720	-	-	145.307.539.720
Đầu tư ngắn hạn	1.814.200.000	-	-	1.814.200.000
Đầu tư dài hạn	-	930.000.000	-	930.000.000
	<u>162.505.950.471</u>	<u>930.000.000</u>	<u>-</u>	<u>163.435.950.471</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNGSố 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	232.046.844.631	-	-	232.046.844.631
Phải trả người bán, phải trả khác	159.238.349.623	-	-	159.238.349.623
Chi phí phải trả	12.219.901.721	-	-	12.219.901.721
	<u>403.505.095.975</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>403.505.095.975</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	110.953.002.391	-	-	110.953.002.391
Phải trả người bán, phải trả khác	103.079.063.613	-	-	103.079.063.613
Chi phí phải trả	1.334.353.242	-	-	1.334.353.242
	<u>215.366.419.246</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>215.366.419.246</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

Số 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Kinh doanh hàng hóa		Kinh doanh dịch vụ		Các hoạt động khác		Tổng cộng các bộ phận		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.902.192.283.144	489.644.433	-	-	-	1.902.681.927.577	-	1.902.681.927.577	-	1.902.681.927.577
Chi phí bộ phận trực tiếp	1.810.115.729.805	-	-	-	-	1.810.115.729.805	-	1.810.115.729.805	-	1.810.115.729.805
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	92.076.553.339	489.644.433	-	-	-	92.566.197.772	-	92.566.197.772	-	92.566.197.772
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	-	-	-	23.502.562.770	-	23.502.562.770	-	23.502.562.770
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	525.258.148.319	-	525.258.148.319	-	525.258.148.319
Tổng tài sản	-	-	-	-	-	525.258.148.319	-	525.258.148.319	-	525.258.148.319
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	407.903.555.598	-	407.903.555.598	-	407.903.555.598
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	-	407.903.555.598	-	407.903.555.598	-	407.903.555.598

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

37/10
CÔNG
NHẬN
IG KI
AI
HNK

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNGSố 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng		376.370.242.903	136.814.455.645
Tổng Công ty Thép Việt Nam	Công ty mẹ	-	17.597.304.080
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	Cùng công ty mẹ	20.503.959.514	-
Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội	Cùng công ty mẹ	-	226.513.300
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng công ty mẹ	115.373.955.500	60.169.819.381
Công ty cổ phần Thép Việt Mỹ	Công ty liên kết	41.471.681.600	58.820.818.884
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Cùng công ty mẹ	63.985.861.200	-
Công ty TNHH khoáng sản và luyện kim Việt Trung	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ	135.034.785.089	-
Mua hàng		606.826.333.172	806.777.640.680
Tổng Công ty Thép Việt Nam	Công ty mẹ	-	712.830.770.883
Cty TNHH MTV Thép Miền Nam VNSTEEL	Công ty mẹ	460.994.271.568	-
Công ty cổ phần Thép Thủ Đức	Cùng công ty mẹ	1.539.506.400	7.322.134.240
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng công ty mẹ	459.056.400	503.772.600
Công ty cổ phần Kim khí TP HCM - HMC	Cùng công ty mẹ	2.962.276.934	504.968.150
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	Cùng công ty mẹ	1.588.778.750	203.769.150
Công ty Cổ phần Thép Việt Mỹ	Công ty liên kết	139.282.443.120	85.412.225.657
Cổ tức được chia		190.000.000	164.050.000
Công ty cổ phần Kim khí TP HCM - HMC	Cùng công ty mẹ	190.000.000	164.050.000
Doanh thu hoạt động tài chính		940.762.306	-
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng công ty mẹ	245.415.809	-
Công ty cổ phần Thép Việt Mỹ	Công ty liên kết	57.717.289	-
Công ty TNHH khoáng sản và luyện kim Việt Trung	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ	637.629.208	-

CTM
 DƯ HẠN
 TOÁN
 3C
 VI - TP H

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNGSố 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
		VND	VND
Phải thu		143.144.584.375	1.367.263.740
Công ty Thép miền Nam - Tổng Công ty Thép Việt Nam	Cùng công ty mẹ	67.650.000	1.293.519.495
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng công ty mẹ	-	73.744.245
Công ty Cổ Phần Thép Tây Đô	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ	21.975.828.490	-
Công ty TNHH khoáng sản và luyện kim Việt Trung	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ	119.566.917.885	-
Công ty Cổ phần Thép Việt Mỹ	Công ty liên kết	1.534.188.000	-
Phải trả		2.476.093.484	83.630.755.041
Công ty Cổ phần Thép Việt Mỹ	Công ty liên kết	-	2.083.063.929
Tổng Công ty Thép Việt Nam	Công ty mẹ	-	81.503.251.156
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng công ty mẹ	22.218.240	109.956
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	Cùng công ty mẹ	-	44.330.000
Công ty CP Kim khí TP.HCM	Cùng công ty mẹ	1.950.272.171	-
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	Cùng công ty mẹ	503.603.073	-
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
		VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		1.122.723.962	1.215.730.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

Số 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
121	Đầu tư ngắn hạn	2.323.676.045	121	Chứng khoán kinh doanh	2.323.676.045	-
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(509.476.045)	122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh	(509.476.045)	-
135	Các khoản phải thu khác	1.729.345.303	136	Phải thu ngắn hạn khác	2.022.369.785	293.024.482
158	Tài sản ngắn hạn khác	293.024.482	155	Tài sản ngắn hạn khác	-	(293.024.482)
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	40.615.731	153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	40.615.731	-
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.105.716.203	242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.105.716.203	-
258	Đầu tư dài hạn khác	3.030.000.000	253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	3.030.000.000	-
259	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(6.842.802.334)	254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(6.842.802.334)	-
311	Vay và nợ ngắn hạn	110.953.002.391	320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	110.953.002.391	-
312	Phải trả người bán	97.796.265.100	311	Phải trả người bán ngắn hạn	97.796.265.100	-
313	Người mua trả tiền trước	630.590.294	312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	630.590.294	-
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	203.057.118	313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	203.057.118	-
315	Phải trả người lao động	1.957.036.723	314	Phải trả người lao động	1.957.036.723	-
316	Chi phí phải trả	1.334.353.242	315	Chi phí phải trả ngắn hạn	1.334.353.242	-
319	Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.282.798.513	319	Phải trả ngắn hạn khác	5.282.798.513	-
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	438.269.106	322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	438.269.106	-
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	98.465.620.000	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	98.465.620.000	-
412	Thặng dư vốn cổ phần	300.347.000	411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	98.465.620.000	98.465.620.000
			412	2. Thặng dư vốn cổ phần	300.347.000	-



CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

Số 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC		Thay đổi	
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số		Tên khoản mục
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
417	Quỹ đầu tư phát triển	10.887.016.180	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	13.863.385.286
418	Quỹ dự phòng tài chính	2.976.369.106	420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.491.018.689
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.491.018.689	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.142.225.211
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.142.225.211	421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	2.142.225.211
					(2.976.369.106)
					2.976.369.106

Bùi Minh Nam
Người lậpTrần Nguyễn Hoàng Nam Thành Tuấn
Kế toán trưởngNguyễn Anh Hoàng
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 01 năm 2016.

